

Số: 541/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và L phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 393/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị **Phạm Thị L** - sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu thường trú: ngõ V, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội; Cư trú tại: phố N, phường V, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

+ Anh **Nguyễn Thái P** - sinh năm 1976; Đăng ký hộ khẩu thường trú: ngõ V, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội; Cư trú tại: ngõ L, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện của anh Nguyễn Thái P: anh Nguyễn Minh A – sinh năm 2001; Đăng ký hộ khẩu thường trú: ngõ V, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội; Cư trú tại: ngõ L, phường B, quận H, Thành phố Hà Nội (là con trai cả của anh Nguyễn Thái P).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Thái P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/10/2000 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận H, Thành phố Hà Nội. Nay chị L, anh P cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị L, anh P xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Minh A (nam), sinh ngày 09/12/2001 và Nguyễn Minh N (nữ), sinh ngày 11/5/2003, đều đã thành niên và phát triển khoẻ mạnh.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị L, anh P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị L, anh P xác nhận vợ chồng không có khoản nợ nào chung (không vay nợ ai và không cho ai vay nợ) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về L phí: Chị L, anh P tự nguyện thỏa thuận để chị L nộp cả tiền L phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ngoài các yêu cầu trên, chị L, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết bất cứ yêu cầu nào khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Thái P.

- Về con chung: Chị L, anh P xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Minh A (nam), sinh ngày 09/12/2001 và Nguyễn Minh N (nữ), sinh ngày 11/5/2003, các con chung đều đã thành niên và phát triển khoẻ mạnh.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị L, anh P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Chị L, anh P xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về L phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị L, anh P để chị L nộp cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng L phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng L phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0070111 ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

VŨ LỆ QUYÊN